

Số: **17**/2022/TT-BCT

Hà Nội, ngày **27** tháng **10** năm 2022

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 98/2017/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;

Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Căn cứ Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa; Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hóa chất;

Bộ trưởng Bộ Công Thương ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất

1. Sửa đổi điểm b khoản 1 Điều 1 như sau:

“b) Một số loại biểu mẫu bao gồm: mẫu Phiếu kiểm soát mua, bán hóa chất độc; các biểu mẫu báo cáo hoạt động hóa chất; các biểu mẫu sử dụng trong quá trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.”.

2. Bổ sung Điều 3a vào sau Điều 3

“Điều 3a. Thời hạn của Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp

1. Giấy phép cấp mới có thời hạn hiệu lực là 5 năm kể từ ngày cấp. Đối với hóa chất hữu cơ khó phân hủy (POP), thời hạn của Giấy phép là 5 năm kể từ ngày cấp hoặc bằng thời hạn đăng ký miễn trừ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, căn cứ theo thời hạn nào đến trước.

2. Thời hạn của Giấy phép cấp lại và cấp điều chỉnh bằng thời hạn còn lại của Giấy phép đã cấp.”.

3. Sửa đổi khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Ban hành tại Phụ lục 3 các biểu mẫu sử dụng trong quá trình thẩm định, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất:

- a) Mẫu 03a: Mẫu Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định;
- b) Mẫu 03b: Mẫu Biên bản họp Hội đồng thẩm định;
- c) Mẫu 03c: Mẫu Phiếu nhận xét, đánh giá;
- d) Mẫu 03d: Mẫu Báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định;
- đ) Mẫu 03đ: Mẫu Chứng thực trên trang phụ bì của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất sau khi được phê duyệt.”.

4. Sửa đổi một số khoản của Điều 6 như sau:

a) Sửa đổi khoản 3 như sau:

“3. Việc ghi nhãn hóa chất được thực hiện theo quy định tại Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 4 năm 2017 của Chính phủ về nhãn hàng hóa, Nghị định số 111/2021/NĐ-CP ngày 09 tháng 12 năm 2021 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 43/2017/NĐ-CP của Chính phủ về nhãn hàng hóa và được hướng dẫn tại Phụ lục 8 kèm theo Thông tư này.”.

b) Sửa đổi khoản 5 như sau:

“5. Hình đồ cảnh báo trong vận chuyển hóa chất nguy hiểm được quy định tại Phụ lục III Mẫu nhãn, biểu trưng hàng hóa nguy hiểm ban hành kèm theo Nghị định số 42/2020/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2020 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện giao thông cơ giới đường bộ và vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường thủy nội địa.”.

5. Sửa đổi khoản 1 Điều 7 như sau:

“1. Tổ chức, cá nhân sản xuất, nhập khẩu hóa chất nguy hiểm được quy định tại khoản 1 Điều 24 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung tại khoản 13 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP trước khi đưa hóa chất vào sử dụng, lưu thông trên thị trường phải xây dựng Phiếu an toàn hóa chất bao gồm các thông tin theo hướng dẫn tại Phụ lục 9 của Thông tư này và chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung của Phiếu an toàn hóa chất.”.

6. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 9 như sau:

“1. Chế độ báo cáo của tổ chức, cá nhân

a) Trước ngày 15 tháng 02 hàng năm, tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp có trách nhiệm báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động hóa chất của năm trước theo Mẫu số 05a quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này đến Cục Hóa chất, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính và nơi đặt địa điểm sản xuất, kinh doanh thông qua hệ thống Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia (<https://chemicaldata.gov.vn/cms.xc>);

b) Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất trong lĩnh vực công nghiệp có trách nhiệm báo cáo khi có sự cố xảy ra trong hoạt động hóa chất hoặc chấm dứt hoạt động hóa chất đến Cục Hóa chất, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi đặt trụ sở chính và nơi đặt địa điểm sản xuất, kinh doanh.

2. Trước ngày 01 tháng 3 hàng năm, Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương có trách nhiệm báo cáo công tác quản lý hoạt động hóa chất của tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý theo Mẫu số 05b quy định tại Phụ lục 5 của Thông tư này đến Cục Hóa chất thông qua hệ thống Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia.”.

7. Sửa đổi khoản 1 Điều 10 như sau:

“1. Cục Hóa chất là cơ quan đầu mối của Bộ Công Thương thực hiện quản lý hoạt động hóa chất.

Cục Hóa chất chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện các nội dung quản lý hóa chất thuộc phạm vi trách nhiệm của Bộ Công Thương:

a) Xây dựng và trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về quản lý hóa chất; các chiến lược, chương trình, đề án, kế hoạch, cơ chế, chính sách phát triển ngành hóa chất; các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật chuyên ngành hóa chất;

b) Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, hướng dẫn các quy định của pháp luật về quản lý hóa chất;

c) Thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại điểm a khoản 7 Điều 16 Nghị định số 113/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại điểm e khoản 8 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP. Cục trưởng Cục Hóa chất ký thừa ủy quyền Bộ trưởng Bộ Công Thương trong các trường hợp cấp, cấp lại, cấp điều chỉnh, thu hồi Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh

doanh trong lĩnh vực công nghiệp;

d) Tham mưu giúp Lãnh đạo Bộ Công Thương trong việc xử lý hồ sơ, tổ chức thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; trình lãnh đạo Bộ Công Thương thành lập Hội đồng thẩm định; trình lãnh đạo Bộ Công Thương xem xét, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất; chứng thực trên trang phụ bì của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất sau khi được phê duyệt;

đ) Kiểm tra hồ sơ và phản hồi thông tin khai báo hóa chất nhập khẩu cho tổ chức, cá nhân khai báo theo quy định tại điểm b khoản 14 Điều 1 Nghị định số 82/2022/NĐ-CP;

e) Nâng cấp, cập nhật Cơ sở dữ liệu hóa chất quốc gia;

g) Thực hiện thanh tra, kiểm tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo và xử lý vi phạm theo thẩm quyền trong hoạt động hóa chất.”.

8. Sửa đổi một số quy định tại Phụ lục 8 của Thông tư số 32/2017/TT-BCT như sau:

a) Sửa đổi mục 6 như sau:

“6. Thành phần hoặc thành phần định lượng

a) Ghi công thức hóa học, công thức cấu tạo, thành phần định lượng. Đối với hóa chất chứa trong bình chịu áp lực phải ghi thêm dung lượng nạp;

b) Đối với hỗn hợp chất, ghi thành phần hoặc thành phần định lượng như: dạng rắn là phần trăm khối lượng của từng chất rắn; dạng lỏng là phần trăm thể tích của từng chất lỏng; dạng khí là phần trăm thể tích của từng chất khí; dạng rắn-lỏng là phần trăm khối lượng của từng chất rắn và lỏng.”.

b) Sửa đổi mục 9 như sau:

“9. Tên và địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hóa chất

Cách ghi tên, địa chỉ của tổ chức, cá nhân chịu trách nhiệm về hóa chất thực hiện theo quy định tại Điều 12 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 6 Điều 1 Nghị định số 111/2021/NĐ-CP.”.

c) Sửa đổi mục 10 như sau:

“10. Xuất xứ hóa chất

Cách ghi xuất xứ hóa chất thực hiện theo quy định tại Điều 15 Nghị định số 43/2017/NĐ-CP đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 7 Điều 1 Nghị định số 111/2021/NĐ-CP.”.

Điều 2. Bãi bỏ, thay thế một số quy định tại Thông tư số 32/2017/TT-BCT

1. Bãi bỏ một số quy định tại Thông tư số 32/2017/TT-BCT: Điểm a khoản 1 Điều 1; Điều 3; khoản 1, khoản 2 Điều 4; khoản 1 Điều 5; khoản 4 Điều 6; khoản 1, khoản 2 Điều 8; điểm b khoản 5 Điều 10; điểm b khoản 3 Điều 11; các Phụ lục 1, 2, 6; Phần 3 Phụ lục 7.

2. Thay thế Phụ lục 3, Phụ lục 5 của Thông tư số 32/2017/TT-BCT bằng Phụ lục 3, Phụ lục 5 ban hành kèm theo Thông tư này.

Điều 3. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2022. Chế độ báo cáo của tổ chức, cá nhân và Sở Công Thương quy định tại khoản 6 Điều 1 Thông tư này có hiệu lực từ ngày 22 tháng 12 năm 2023.

2. Quy định chuyển tiếp: Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp đã được cấp trước ngày 22 tháng 12 năm 2022 được tiếp tục sử dụng đến ngày 22 tháng 12 năm 2027 hoặc đến thời hạn đăng ký miễn trừ quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, căn cứ theo thời hạn nào đến trước.

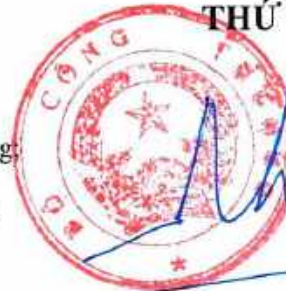
3. Khi các văn bản quy phạm pháp luật, tài liệu viện dẫn trong Thông tư này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì áp dụng theo quy định tại văn bản mới.

4. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc hoặc vấn đề phát sinh, các tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Công Thương để nghiên cứu, giải quyết./. *ng*

Nơi nhận: *ms*

- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Lãnh đạo Bộ Công Thương;
- Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Kiểm toán nhà nước;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Công Thương;
- Lưu: VT, HC.

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Nguyễn Sinh Nhật Tân

Phụ lục 3
Các biểu mẫu sử dụng trong quá trình thẩm định, phê duyệt
Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất
(Kèm theo Thông tư số **17** /2022/TT-BCT)

Ký hiệu	Mẫu văn bản
Mẫu 03a	Mẫu Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định
Mẫu 03b	Mẫu Biên bản họp Hội đồng thẩm định
Mẫu 03c	Mẫu Phiếu nhận xét, đánh giá
Mẫu 03d	Mẫu báo cáo giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định
Mẫu 03đ	Mẫu chứng thực trên trang phụ bìa của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất sau khi được phê duyệt

BỘ QUẢN LÝ NGÀNH ⁽¹⁾CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố: /QĐ-... ⁽²⁾ ...

Hà Nội, ngày tháng năm

QUYẾT ĐỊNH**Về việc thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của..... ⁽³⁾****BỘ TRƯỞNG ⁽¹⁾***Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;**Căn cứ Nghị định số /..... /NĐ-CP ngày ... tháng ... năm ... của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của ... ⁽¹⁾ ...;**Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;**Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư số /2022/TT-BCT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;**Xét đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của ⁽⁴⁾**Theo đề nghị của ... ⁽⁵⁾ ...***QUYẾT ĐỊNH:****Điều 1.** Thành lập Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của ⁽³⁾ do ... ⁽⁴⁾ đề nghị gồm các ông, bà có tên sau đây:

1.

2.

...

n.

Điều 2. Hội đồng thẩm định có trách nhiệm kiểm tra thực tế việc thực hiện quy định về an toàn hóa chất, tiến hành đánh giá, thẩm định những nội dung của Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất nêu tại Điều 1.

Hội đồng thẩm định tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 3. Kinh phí thẩm định.....

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và các ông, bà có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;

-

- Lưu:

**QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên bộ quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- (2): Chữ viết tắt tên bộ quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- (3): Tên Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (thể hiện rõ tên dự án/cơ sở, tên tổ chức/cá nhân và phù hợp với phạm vi, đối tượng của Kế hoạch);
- (4): Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- (5): Thủ trưởng cơ quan, đơn vị được giao tổ chức thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

BỘ QUẢN LÝ NGÀNH ⁽¹⁾
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Mẫu 03b
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.....tháng.....năm.....

BIÊN BẢN

Họp thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của⁽²⁾

Thực hiện quy định về thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất tại Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất, Hội đồng thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của ...⁽¹⁾ đã tiến hành họp thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của⁽²⁾

Thời gian bắt đầu:

Địa điểm:

I. Thành phần tham dự

1. Hội đồng thẩm định

.....

Số thành viên có mặt:.../..... thành viên.

Số thành viên vắng mặt: .../... thành viên. Thành viên vắng mặt là:...

Chủ trì:

Thư ký:

2. Đại diện:⁽³⁾

.....

II. Thông tin về dự án/cơ sở hoạt động hóa chất

Dự án/Cơ sở hoạt động hóa chất:⁽⁴⁾

Địa điểm thực hiện:

Chủ đầu tư/Tổ chức, cá nhân quản lý, điều hành:⁽³⁾

Địa chỉ trụ sở chính:, Điện thoại: Fax:.....

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư số do cấp ngày tháng năm.....

II. Nội dung

.....

III. Kết luận

.....

Cuộc họp kết thúc vào ngày tháng năm/

THƯ KÝ
(Ký và ghi rõ họ tên)

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1): Tên bộ quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- (2): Tên Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (thể hiện rõ tên dự án/cơ sở, tên tổ chức/cá nhân và phù hợp với phạm vi, đối tượng của Kế hoạch);
- (3): Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- (4): Ghi đầy đủ tên của dự án, cơ sở hoạt động hóa chất theo hồ sơ dự án hoặc đăng ký thành lập cơ sở.

BỘ QUẢN LÝ NGÀNH⁽¹⁾
HỘI ĐỒNG THẨM ĐỊNH

Mẫu 03c
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

..., ngày....tháng...năm

PHIẾU NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ
Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất
của⁽²⁾

1. Tên Kế hoạch: Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của

.....⁽²⁾

Dự án/Cơ sở hoạt động hóa chất:.....⁽³⁾

Địa điểm thực hiện:

Chủ đầu tư/Tổ chức, cá nhân quản lý, điều hành:⁽⁴⁾

2. Họ tên người nhận xét:

Chức vụ:

Cơ quan:

3. Kết quả đánh giá (thành viên Hội đồng ký vào ô đã lựa chọn):

- Đồng ý thông qua Kế hoạch

☐

- Đồng ý thông qua Kế hoạch nhưng yêu cầu phải
chỉnh sửa bổ sung

☐

- Không đồng ý thông qua Kế hoạch

☐

4. Ý kiến nhận xét:

4.1 Các nội dung đạt yêu cầu

.....

4.2 Các nội dung cần chỉnh sửa, bổ sung

.....

NGƯỜI NHẬN XÉT, ĐÁNH GIÁ

(Ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú:

- (1): Tên bộ quản lý ngành, lĩnh vực thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- (2): Tên Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (thể hiện rõ tên dự án/cơ sở, tên tổ chức/cá nhân và phù hợp với phạm vi, đối tượng của Kế hoạch);
- (3): Ghi đầy đủ tên của dự án, cơ sở hoạt động hóa chất theo hồ sơ dự án hoặc đăng ký thành lập cơ sở;
- (4): Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.

TÊN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN ⁽¹⁾ CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:.....⁽²⁾....., ngày⁽³⁾....., tháng năm

BÁO CÁO
Giải trình, tiếp thu ý kiến thẩm định
Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất

Kính gửi:⁽⁴⁾

Tên tổ chức/cá nhân:⁽¹⁾

Địa chỉ trụ sở chính:, Điện thoại: Fax:.....

Dự án/Cơ sở hoạt động hóa chất:⁽⁵⁾

Địa điểm thực hiện:

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đầu tư sốdo cấp ngày tháng năm.....

Căn cứ Biên bản họp thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của⁽⁶⁾....., ngày tháng năm,⁽¹⁾..... đã chỉnh sửa, bổ sung Kế hoạch theo ý kiến của Hội đồng thẩm định.

.....⁽¹⁾..... giải trình, tiếp thu ý kiến của Hội đồng thẩm định như sau:

STT	Ý kiến của Hội đồng	Ý kiến giải trình, tiếp thu	Trang
1			
2			
...			
n			

.....⁽¹⁾..... báo cáo, đề nghị⁽⁴⁾..... xem xét, phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của⁽⁶⁾...../.

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC/CÁ NHÂN
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên đầy đủ của tổ chức, cá nhân đề nghị thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- (2): Mã số ký hiệu văn bản của tổ chức, cá nhân;
- (3): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân đăng ký trụ sở chính;
- (4): Tên cơ quan tổ chức thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- (5): Ghi đầy đủ tên của dự án, cơ sở hoạt động hóa chất theo hồ sơ dự án hoặc đăng ký thành lập cơ sở;
- (6): Tên Kế hoạch (thể hiện rõ tên dự án/cơ sở, tên tổ chức/cá nhân và phù hợp với phạm vi, đối tượng của Kế hoạch).

Mẫu 03đ

CHỨNG THỰC

.....⁽¹⁾ chứng thực Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất của
⁽²⁾ địa chỉ tại⁽³⁾ đã được phê duyệt theo Quyết định số
⁽⁴⁾ ngày⁽⁵⁾ của Bộ trưởng⁽⁶⁾

Hà Nội, ngày tháng năm

**CHỨC VỤ, QUYỀN HẠN CỦA
NGƯỜI KÝ***(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

- (1): Tên cơ quan, đơn vị được giao tổ chức thẩm định Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất;
- (2): Tên Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất (thể hiện rõ tên dự án/cơ sở, tên tổ chức/cá nhân và phù hợp với phạm vi, đối tượng của Kế hoạch);
- (3): Ghi đầy đủ địa chỉ của dự án, cơ sở hoạt động hóa chất theo hồ sơ dự án hoặc đăng ký thành lập cơ sở;
- (4): Số Quyết định phê duyệt Kế hoạch;
- (5): Ngày Quyết định phê duyệt Kế hoạch;
- (6): Tên bộ quản lý ngành phê duyệt Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất.



Phụ lục 5
(Kèm theo Thông tư số /2022/TT-BCT)

Ký hiệu	Mẫu văn bản
Mẫu 05a	Mẫu Báo cáo hoạt động hóa chất (dành cho tổ chức, cá nhân)
Mẫu 05b	Mẫu Báo cáo quản lý hoạt động hóa chất (dành cho Sở Công Thương)



TÊN TỔ CHỨC, CÁ NHÂN

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.....⁽¹⁾, ngày... tháng.....năm

Kính gửi:

- Cục Hóa chất;
- Sở Công Thương.....⁽²⁾

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số 82/2022/NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư số/2022/TT-BCT ngày tháng năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất,

(Tên tổ chức, cá nhân) báo cáo tình hình hoạt động hóa chất năm như sau:

Phần I: THÔNG TIN CHUNG

1. Tên tổ chức/ cá nhân:.....

2. Địa chỉ trụ sở chính:⁽³⁾

ng



Điện thoại:.....Fax:

3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/hợp tác xã/hộ kinh doanh sốdo cấp ngày tháng năm.....

4. Mã số thuế:.....

5. Danh sách các cơ sở hoạt động hóa chất

STT	Tên cơ sở	Địa chỉ ⁽³⁾	Điện thoại	Fax
1				
2				
...				
n				

ng



Phần II: BÁO CÁO XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU HÓA CHẤT

Yêu cầu nội dung:

1. Báo cáo hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu đối với các hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất Bảng và các hóa chất nguy hiểm khác.

2. Báo cáo tổng khối lượng hóa chất xuất khẩu, nhập khẩu theo năm và theo quốc gia xuất khẩu hoặc nhập khẩu hóa chất.

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Hoạt động		Số lượng xuất khẩu, nhập khẩu thực tế (kg)	Quốc gia xuất khẩu hoặc nhập khẩu
		Tên hóa chất	Mã CAS	Hàm lượng ⁽⁵⁾ (%)	Nhập khẩu	Xuất khẩu		
I. Các hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁶⁾								
1.					☐	☐		
2.					☐	☐		
...								
n.					☐	☐		
II. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁷⁾								
II.1. Các tiền chất công nghiệp								
1.					☐	☐		
2.					☐	☐		
...								
n.					☐	☐		
II.2. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp khác								
1.					☐	☐		
2.					☐	☐		
...								
n.					☐	☐		
III. Các hóa chất Bảng ⁽⁸⁾								
1.					☐	☐		
2.					☐	☐		
...								
n.					☐	☐		

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Hoạt động		Số lượng xuất khẩu, nhập khẩu thực tế (kg)	Quốc gia xuất khẩu hoặc nhập khẩu
		Tên hóa chất	Mã CAS	Hàm lượng ⁽⁵⁾ (%)	Nhập khẩu	Xuất khẩu		
IV. Các hóa chất nguy hiểm khác								
1.					☐	☐		
2.					☐	☐		
...								
n.					☐	☐		

ry



✓

Phần III: BÁO CÁO MUA, BÁN HÓA CHẤT TRONG NƯỚC

Yêu cầu nội dung:

1. Báo cáo mua, bán các hóa chất đối với hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất Bàng và các hóa chất nguy hiểm khác.
2. Báo cáo tổng khối lượng hóa chất mua, bán hóa chất trong nước theo năm và theo tổ chức cá nhân mua, bán hóa chất.
3. Liệt kê:
 - Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp số.... /GP-BCT ngày...tháng....năm... của Bộ Công Thương (nếu có);
 - Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số.... /GCN-SCT ngày...tháng....năm... của Sở Công Thương (nếu có).

STT	Tên thương mại ⁽⁴⁾	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Hoạt động		Số lượng mua, bán thực tế (kg)	Tên tổ chức, cá nhân mua hoặc bán	Mã số thuế của tổ chức mua hoặc bán	Mục đích bên mua	
		Tên hóa chất ⁽⁴⁾	Mã CAS ⁽⁴⁾	Hàm lượng ⁽⁵⁾ (%)	Mua	Bán				Kinh doanh	Sử dụng
I. Các hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁶⁾											
1.					☐	☐				☐	☐
2.					☐	☐				☐	☐
...											
n.					☐	☐				☐	☐
II. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁷⁾											
II.1. Các tiền chất công nghiệp											
1.					☐	☐				☐	☐
2.					☐	☐				☐	☐
...											
n.					☐	☐				☐	☐
II.2. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp khác											

STT	Tên thương mại ⁽⁴⁾	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Hoạt động		Số lượng mua, bán thực tế (kg)	Tên tổ chức, cá nhân mua hoặc bán	Mã số thuế của tổ chức mua hoặc bán	Mục đích bên mua	
		Tên hóa chất ⁽⁴⁾	Mã CAS ⁽⁴⁾	Hàm lượng ⁽⁵⁾ (%)	Mua	Bán				Kinh doanh	Sử dụng
1.					☐	☐				☐	☐
2.					☐	☐				☐	☐
...											
n.					☐	☐				☐	☐
III. Các hóa chất Bảng ⁽⁸⁾											
1.					☐	☐				☐	☐
2.					☐	☐				☐	☐
...											
n.					☐	☐				☐	☐
IV. Các hóa chất nguy hiểm khác											
1.					☐	☐				☐	☐
2.					☐	☐				☐	☐
...											
n.					☐	☐				☐	☐

ng

ng

Phần IV: KHAI BÁO VÀ BÁO CÁO SẢN XUẤT HÓA CHẤT

Yêu cầu nội dung:

1. Báo cáo sản xuất đối với các hóa chất là hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất Bảng và các hóa chất nguy hiểm khác.

2. Liệt kê:

- Giấy phép sản xuất, kinh doanh hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp số.... /GP-BCT ngày...tháng....năm... của Bộ Công Thương (nếu có);

- Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hoá chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp số.... /GCN-SCT ngày...tháng....năm... của Sở Công Thương (nếu có);

- Giấy phép sản xuất hóa chất Bảng số.... /GP-HC ngày...tháng....năm... của Bộ Công Thương/Cục Hóa chất (nếu có).

STT	Tên thương mại ⁽⁴⁾	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Công suất sản xuất tối đa (kg/năm)	Số lượng sản xuất thực tế (kg)	Tên cơ sở
		Tên hóa chất ⁽⁴⁾	Mã CAS ⁽⁴⁾	Hàm lượng (%) ⁽⁵⁾			
I. Các hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁶⁾							
1.							
2.							
...							
n.							
II. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁷⁾							
II.1. Các tiền chất công nghiệp							
1.							
2.							
...							
n.							
II.2. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp khác							

STT	Tên thương mại ⁽⁴⁾	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Công suất sản xuất tối đa (kg/năm)	Số lượng sản xuất thực tế (kg)	Tên cơ sở
		Tên hóa chất ⁽⁴⁾	Mã CAS ⁽⁴⁾	Hàm lượng (%) ⁽⁵⁾			
1.							
2.							
...							
n.							
III. Các hóa chất Bằng ⁽⁸⁾							
1.							
2.							
...							
n.							
IV. Các hóa chất nguy hiểm khác							
1.							
2.							
...							
n.							

ng

a

Phần V: BÁO CÁO SỬ DỤNG HÓA CHẤT

Yêu cầu nội dung: Báo cáo hoạt động sử dụng đối với hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất sản xuất kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp, hóa chất Bảng và các hóa chất nguy hiểm khác.

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Nhu cầu sử dụng tối đa (kg/năm)	Số lượng sử dụng thực tế (kg)	Tên cơ sở	Mã mục đích sử dụng (*)	Mục đích sử dụng
		Tên hóa chất	Mã CAS	Hàm lượng (%)					
I. Các hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁶⁾									
1.									
2.									
...									
n.									
II. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp ⁽⁷⁾									
II.1. Các tiền chất công nghiệp									
1.									
2.									
...									
n.									
II.2. Các hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp khác									
1.									
2.									
...									
n.									
III. Các hóa chất Bảng ⁽⁸⁾									
1.									
2.									
...									
n.									
IV. Các hóa chất nguy hiểm khác									
1.									

STT	Tên thương mại	Thông tin hóa chất/tên thành phần			Nhu cầu sử dụng tối đa (kg/năm)	Số lượng sử dụng thực tế (kg)	Tên cơ sở	Mã mục đích sử dụng (*)	Mục đích sử dụng
		Tên hóa chất	Mã CAS	Hàm lượng (%) (S)					
2.									
...									
n.									

Ghi chú: (*): Sử dụng các mã phù hợp với mục đích sử dụng chung được liệt kê tại bảng dưới đây:

Mã danh mục sử dụng	Danh mục sử dụng
01	- Các chất trung gian, bán thành phẩm
02	- Dung môi cho sơn, véc ni, chất phủ, mực in và sản phẩm diệt khuẩn
03	- Dung môi cho chất kết dính, chất kết dính nhạy áp suất
04	- Dung môi tẩy rửa và làm sạch kim loại
05	- Dung môi để làm sạch vải (công nghiệp giặt là, sấy khô)
06	- Dung môi tẩy rửa khác
07	- Dung môi dùng trong quá trình sản xuất và chế biến hóa chất
08	- Dung môi cho sol khí
09	- Các loại dung môi khác
10	- Chất điều chỉnh phản ứng hóa học
11	- Chất tạo màu
12	- Chất tẩy rửa sử dụng trong công nghiệp
13	- Chất tẩy rửa sử dụng trong gia dụng hoặc công cộng
14	- Chất đánh bóng và pha trộn sáp (ví dụ như sàn, xe hơi, da)
15	- Sơn và lớp phủ (bao gồm sơn lót)
16	- Mực in và toners (gồm mực in cho văn phòng phẩm và resist inks - in cán)
17	- Chất chống hà cho sơn đáy tàu, chất chống hà cho lưới đánh cá
18	- Các sản phẩm diệt khuẩn sử dụng trực tiếp trên sản phẩm
19	- Các sản phẩm diệt khuẩn sử dụng trong công nghiệp, không sử dụng trực tiếp trên sản phẩm
20	- Các sản phẩm diệt khuẩn sử dụng trong hộ gia đình, công cộng
21	- Các sản phẩm nổ (bao gồm pháo hoa)

22	- Làm mát không khí, khử mùi
23	- Chất kết dính và chất bịt kín
24	- Vật liệu cảm quang, vật liệu chụp ảnh và vật liệu tấm in
25	- Sản phẩm dệt may (bao gồm chế biến vải không dệt)
26	- Sản phẩm giấy và bìa
27	- Sản phẩm nhựa
28	- Sản phẩm cao su
29	- Sản phẩm da
30	- Sản phẩm thủy tinh, tráng men và xi măng
31	- Sản phẩm gốm sứ chịu lửa và mỹ nghệ
32	- Sản phẩm đá mài, hợp chất mài, vật liệu ma sát và chất bôi trơn thể rắn
33	- Sản phẩm kim loại
34	- Hóa chất xử lý bề mặt
35	- Sản phẩm hàn
36	- Dung dịch thủy lực, dầu cách điện, dầu chế biến, dầu bôi trơn (ví dụ: Dầu làm trơn động cơ, dầu ổ trục, dầu máy nén, dầu mỡ)
37	- Chất lỏng sử dụng trong xử lý kim loại (ví dụ: dầu cắt, dầu cán, dầu ép, dầu làm nguội), dầu chống rỉ
38	- Sản phẩm điện và điện tử
39	- Pin điện, ác quy
40	- Hóa chất xử lý nước
41	- Chất làm khô và chất hấp thụ
42	- Chất lỏng truyền nhiệt
43	- Sản phẩm chống đông và tan băng
44	- Phụ gia cho vật liệu xây dựng và các sản phẩm xây dựng (ví dụ: phụ gia bê tông, chất ngấm tẩm gỗ)
45	- Chất phụ gia cho vật liệu xây dựng và sản phẩm xây dựng (ví dụ: Chất tan chảy tuyết, điều hòa đất, bình cứu hỏa)
46	- Hóa chất tẩy rửa
47	- Nhiên liệu và phụ gia nhiên liệu
48	- Mục đích sử dụng khác

y

a

PHẦN VI: CÔNG TÁC AN TOÀN HÓA CHẤT

1. Tình hình chung thực hiện quy định về an toàn hóa chất

1.1. Cơ sở hoạt động hóa chất 1:

- Đã xây dựng Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: ☐ Có ☐ Không
- Trong năm có thay đổi nội dung Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: ☐ Có ☐ Không.

Trong trường hợp có thay đổi đề nghị nêu tóm tắt lý do.

- Trong năm có tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất theo Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã xây dựng: ☐ Có ☐ Không

Trường hợp có tổ chức diễn tập đề nghị nêu tóm tắt thời gian, kịch bản, địa điểm tổ chức, các cơ quan, đơn vị tham gia, phối hợp. Trường hợp không, đề nghị báo cáo lý do.

1.2. Cơ sở hoạt động hóa chất 2:

- Đã xây dựng Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: ☐ Có ☐ Không
- Trong năm có thay đổi nội dung Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất: ☐ Có ☐ Không.

Trong trường hợp có thay đổi đề nghị nêu tóm tắt lý do.

- Trong năm có tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất theo Kế hoạch, Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã xây dựng: ☐ Có ☐ Không

Trường hợp có tổ chức diễn tập đề nghị nêu tóm tắt thời gian, kịch bản, địa điểm tổ chức, các cơ quan, đơn vị tham gia, phối hợp. Trường hợp không, đề nghị báo cáo lý do.

uy



2. Tình hình tai nạn, sự cố

STT	Tên cơ sở xảy ra sự cố hóa chất	Tên hóa chất có liên quan	Mã số CAS	Khối lượng hóa chất tràn đổ khi xảy ra sự cố	Hậu quả đối với cơ sở			Hậu quả đối với khu vực xung quanh		
					Số người chết	Số người bị ảnh hưởng sức khỏe ⁽⁹⁾	Ước tính thiệt hại vật chất	Số người chết	Số người bị ảnh hưởng sức khỏe ⁽⁹⁾	Ước tính thiệt hại vật chất
1										
2										
...										
n										

Báo cáo tóm tắt nguyên nhân, diễn biến, hậu quả và quá trình khắc phục đối với từng sự cố:

3. Tình hình thực hiện huấn luyện an toàn hóa chất

3.1. Cơ sở hoạt động hóa chất 1:

STT	Đợt huấn luyện	Thông tin về giảng viên	Số người được huấn luyện	Số người đạt yêu cầu	Ghi chú
I Nhóm 1:					
1	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
2	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
...	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
n	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
II Nhóm 2:					
1	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			

ny

✓

2	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
...	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
n	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
III Nhóm 3:					
1	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
2	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
...	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
n	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			

3.2. Cơ sở hoạt động hóa chất 2:

STT	Đợt huấn luyện	Thông tin về giảng viên	Số người được huấn luyện	Số người đạt yêu cầu	Ghi chú
I Nhóm 1:					
1	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
2	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
...	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
n	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
II Nhóm 2:					
1	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
2	Ngày....tháng...năm	Họ và tên			

		Trình độ, kinh nghiệm			
...	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
n	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
III Nhóm 3:					
1	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
2	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
...	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			
n	Ngày....tháng...năm	Họ và tên Trình độ, kinh nghiệm			

Tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất cam kết không sử dụng hóa chất cho các mục đích liên quan đến vũ khí hóa học. Các thông tin trong báo cáo tổng hợp tình hình hoạt động hóa chất này là chính xác, nếu sai tổ chức, cá nhân hoạt động hóa chất xin chịu mọi hình thức xử lý vi phạm theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Như trên;
-
- Lưu:.....

...⁽¹⁾..., ngày ... tháng ... năm

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký tên và đóng dấu)

Ghi chú:

- (1): Tên tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, nơi tổ chức, cá nhân báo cáo đóng trụ sở chính;
- (2): Sở Công Thương các tỉnh, thành phố nơi đặt trụ sở chính và nơi đặt địa điểm sản xuất, kinh doanh;
- (3): Ghi đầy đủ thông tin số nhà:..... Phường/xã:..... Quận/Huyện:..... Tỉnh/Thành phố:.....;
- (4): Thông tin về tên thương mại, tên hóa chất, mã CAS kê khai theo đúng thông tin trên Giấy phép, Giấy chứng nhận đã được cấp (trong trường hợp đã được cấp Giấy phép, Giấy chứng nhận);
- (5): Hàm lượng của hóa chất tính chính xác hoặc trung bình hàm lượng % của hóa chất trong hỗn hợp chất;

my.

ce

- (6): Danh mục hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Phụ lục I ban hành kèm theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ, đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP ngày 05 tháng 02 năm 2020 của Chính Phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Công Thương và Nghị định số 82/2022/NĐ-CP;

- (7): Danh mục hóa chất hạn chế sản xuất, kinh doanh trong lĩnh vực công nghiệp quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ đã được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 17/2020/NĐ-CP và Nghị định số 82/2022/NĐ-CP;

- (8): Danh mục hóa chất Bảng quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định số 38/2014/NĐ-CP ngày 06 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan;

- (9): Số người phải nhập viện, cần sự chăm sóc của nhân viên y tế.

ng

✓

UBND.....
SỞ CÔNG THƯƠNG

Mẫu 05b
CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/.....

....., ngày tháng năm

BÁO CÁO
QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG HÓA CHẤT

Kính gửi: Cục Hóa chất

Căn cứ Luật Hóa chất ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Nghị định số 82/2022/ NĐ-CP ngày 18 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Căn cứ Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất; Thông tư số/2022/TT-BCT ngày tháng năm của Bộ trưởng Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 32/2017/TT-BCT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Công Thương quy định cụ thể và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất và Nghị định số 113/2017/NĐ-CP ngày 09 tháng 10 năm 2017 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Hóa chất;

Sở Công Thương..... báo cáo tình hình quản lý và hoạt động hóa chất trên địa bàn..... như sau:

I. Thông tin chung về tình hình hoạt động hóa chất

Tổng số cơ sở sản xuất hóa chất	Tổng số cơ sở kinh doanh hóa chất	Tổng số cơ sở sử dụng hóa chất

II. Tình hình quản lý hóa chất

1. Tình hình cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp

1.1. Tổng số Giấy chứng nhận đã cấp:

1.2. Giấy chứng nhận đã cấp trong năm

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân	Giấy chứng nhận (Số, ngày)	Hoạt động	
				Sản xuất	Kinh doanh
1				☐	☐
2				☐	☐
...					
n				☐	☐

1.3. Sở Công Thương phối hợp thẩm định cơ sở hóa chất để cấp, cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện sản xuất, kinh doanh hóa chất sản xuất, kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực công nghiệp cho tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh trong năm....

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân	Sở Công Thương cấp Giấy chứng nhận
1			
2			
...			
n			

2. Công tác quản lý an toàn hóa chất

2.1. Tổng số Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã tiếp nhận:

2.2. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã tiếp nhận trong năm

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân	Địa điểm dự án, cơ sở hóa chất
1			
2			
...			
n			

2.3. Các đợt diễn tập phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã chứng kiến hoặc chỉ đạo trong năm

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân	Địa điểm dự án, cơ sở hóa chất
1			
2			
...			
n			

ty

2

2.4. Tình hình sự cố hóa chất trong năm

Tổng số sự cố/tai nạn xảy ra:.....

STT	Cơ sở xảy ra sự cố hóa chất	Tên hóa chất có liên quan	Mã số CAS	Hậu quả		
				Số người chết	Số người bị ảnh hưởng sức khỏe ⁽¹⁾	Ước tính vật chất thiệt hại
1						
2						
...						
n						

Báo cáo tóm tắt nguyên nhân, diễn biến, hậu quả và quá trình khắc phục từng sự cố:

3. Tình hình tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh năm

Trong năm có tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh theo Kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố hóa chất đã xây dựng: ☐ Có ☐ Không

Trường hợp chưa tổ chức diễn tập, đề nghị nêu rõ lý do.

4. Tình hình thanh tra, kiểm tra năm

- Tổng số đợt Thanh tra/kiểm tra:.....

- Số vụ vi phạm:

- Các hành vi vi phạm thường gặp:

- Tổng số tiền xử phạt/đề nghị xử phạt:

Danh sách các tổ chức, cá nhân vi phạm

STT	Tên tổ chức, cá nhân	Mã số đăng ký thành lập của tổ chức, cá nhân	Hành vi vi phạm chính	Hình thức xử lý vi phạm	Tổng số tiền xử phạt/đề nghị xử phạt
1					
2					
...					
n					

III. Đề xuất, kiến nghị

Đề xuất kiến nghị về:

- Hệ thống văn bản pháp luật;
- Giải pháp phổ biến văn bản pháp luật;
- Nâng cao năng lực quản lý hóa chất;

ny

cy

- Tuyên truyền nâng cao ý thức về an toàn hóa chất cho cho tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động hóa chất;
- Công tác tổ chức diễn tập ứng phó sự cố hóa chất cấp tỉnh, cấp cơ sở;
- Các khó khăn vướng mắc.....

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: ...

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ*(Ký tên và đóng dấu)***Ghi chú:**

- (1): Số người phải nhập bệnh viện, cần sự theo dõi và chăm sóc của nhân viên y tế.

ry

ry

